

VINFAST

EVO GRAND
MỚI

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



Thông số kỹ thuật

	Evo Grand Lite	Evo Grand
HMI	LED màu	LED màu
ĐỘNG CƠ		
Công suất danh định	1500 W	1500 W
Công suất tối đa	1900 W	2250 W
Loại động cơ	Inhub	Inhub
Loại Pin	LFP	LFP
Công suất/Dung lượng	1,2 kWh (có thể lắp thêm pin phụ 2,4 kWh)	2,4 kWh (có thể lắp thêm pin phụ 2,4 kWh)
Trọng lượng Pin	10,5 kg (+18 kg nếu lắp thêm pin phụ)	18 kg (+18 kg nếu lắp thêm pin phụ)
Loại sạc	210 W	400 W
Thời gian sạc tiêu chuẩn	Khoảng 6 giờ 30 phút (0 đến 100%)	Khoảng 6 giờ 30 phút (0 đến 100%)
Đổi pin	Không	Không
Vị trí lắp pin	Dưới sàn để chân, pin phụ đặt ở cốp	Dưới sàn để chân, pin phụ đặt ở cốp
Tiêu chuẩn chống nước động cơ	IP67	IP67
HỆ THỐNG KHUNG/GIẢM XÓC/ PHANH		
Giảm xóc trước và sau	Ống lồng-giảm chấn thủy lực; giảm xóc đôi, giảm chấn thủy lực	Ống lồng-giảm chấn thủy lực; giảm xóc đôi, giảm chấn thủy lực
Phanh trước và sau	Phanh đĩa/ Cơ	Phanh đĩa/ Cơ
KÍCH THƯỚC CƠ BẢN		
Khoảng cách trục bánh Trước-Sau	1295 mm	1295 mm
Thể tích cốp	35L (16L khi lắp thêm pin phụ)	35L (16L khi lắp thêm pin phụ)
Dài x Rộng x Cao (mm)	1856 x 683 x 1133	1856 x 683 x 1133
Khoảng sáng gầm	133 mm	133 mm
Chiều cao yên	770 mm	770 mm
Kích thước lốp Trước - Sau	12 inch	12 inch
Tải trọng	130 kg	130 kg
Trọng lượng Xe và Pin	Khoảng 82 kg (100kg khi lắp thêm pin phụ)	Khoảng 92 kg (110kg khi lắp thêm pin phụ)

	Evo Grand Lite	Evo Grand
HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG		
Đèn pha trước	LED Projector	LED Projector
Đèn xi nhan, Đèn hậu	LED	LED
HIỆU NĂNG		
Tốc độ tối đa (1 người 65 kg)	48 km/h	70 km/h
Quãng đường đi được 1 lần sạc*	Khoảng 70 km (+128 km khi lắp thêm pin phụ)	Khoảng 134 km (+128 km khi lắp thêm pin phụ)
Quãng đường đi được 1 lần sạc**	Khoảng 50 km (+84 km khi lắp thêm pin phụ)	Khoảng 89 km (+84 km khi lắp thêm pin phụ)
Sạc nhanh/Đổi pin	Không	Không
Gia tốc tăng tốc 0-40 km/h (1 người 65 kg)	<16 s	<16 s
Khả năng leo dốc, 20% 1 người 65 kg	4-5 km/h	10 km/h
Khóa xe	Khóa cơ	Khóa cơ
Tính năng khác	Không xác thực pin	Không xác thực pin
TÍNH NĂNG THÔNG MINH		
Tìm xe trong bãi xe bằng Remote	Tùy chọn	Tùy chọn
Hiển thị thông tin xe	Tùy chọn	Tùy chọn
Hiển thị trạng thái xe	Tùy chọn	Tùy chọn
Tìm xe từ xa (qua APP)	Tùy chọn	Tùy chọn
Hiển thị thông tin Pin	Tùy chọn	Tùy chọn
Định vị xe	Tùy chọn	Tùy chọn
Thống kê lịch sử hành trình	Tùy chọn	Tùy chọn
Thống kê quãng đường	Tùy chọn	Tùy chọn
Thiết lập vùng an toàn	Tùy chọn	Tùy chọn
Chuẩn đoán lỗi	Tùy chọn	Tùy chọn

* Theo điều kiện kiểm thử của VinFast tại 30 km/h

** Điều kiện hỗn hợp